

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1596** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **01** tháng **9** năm **2016**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Phê duyệt Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số:..... <b>7225</b> .....
ĐẾN	Ngày: <b>05.11.16</b> .....
	Chuyên:.....

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020.

Căn cứ Quyết định số 1318/QĐ-BKHCN ngày 05/6/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIX; Kết luận số 30-KL/TU ngày 26/4/2016 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Kết luận số 31-KL/TU ngày 27/4/2016 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở 06 huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 2835/KH-UBND ngày 29/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện Chương trình hành động số 40-CTr/TU ngày 05/4/2013 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về việc thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 09/11/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kế hoạch nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020; Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 538/TTr-SKHCN ngày 15/8/2016 về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020 (*Chương trình kèm theo*).

**Điều 2.** Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; đôn đốc, kiểm tra, đánh giá và định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình triển khai thực hiện Chương trình.

Các Sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ của mình, tổ chức và huy động các nguồn lực, lồng ghép nội dung, kinh phí của các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác của địa phương vào Chương trình này và chỉ đạo, tổ chức triển khai trên địa bàn đạt hiệu quả.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng ban Ban Dân tộc; Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(KGVX), CBTH;
- Lưu: VT, KGVXhmy489

KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



**Đặng Văn Minh**

**CHƯƠNG TRÌNH  
HỖ TRỢ ỨNG DỤNG, CHUYỂN GIAO TIẾN BỘ KHOA HỌC  
VÀ CÔNG NGHỆ THỨC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI  
NÔNG THÔN, MIỀN NÚI TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2016-2020**  
(Kèm theo Quyết định số 1596/QĐ-UBND ngày 01 / 9 /2016  
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

**I. SỰ CẦN THIẾT**

Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế, ổn định xã hội đối với khu vực nông thôn, miền núi, đảm bảo thực hiện thành công tái cơ cấu nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

Năm năm qua, thực hiện “Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015” đạt được kết quả tích cực, là động lực cho sự phát triển sản xuất gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững; góp phần nâng cao năng suất chất lượng cây trồng, vật nuôi; cung cấp cơ sở khoa học triển khai các dự án lớn, ứng dụng tổng hợp các thành tựu khoa học và công nghệ xây dựng cánh đồng mẫu gắn với công nghiệp chế biến; nâng cao thu nhập cho người dân vùng nông thôn và miền núi của tỉnh. Việc chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất đã góp phần đưa tốc độ tăng trưởng nông nghiệp của tỉnh bình quân đạt mức 5,4%/năm; năng suất bình quân các loại cây trồng chủ lực của tỉnh tăng khá. Hơn 25 dự án thuộc Chương trình đã được chuyển giao ứng dụng vào các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, chuyển đổi ngành nghề cho lao động nông thôn... đã góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Tuy nhiên, hiện nay đời sống của nông dân vùng nông thôn, miền núi tỉnh ta vẫn còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao, nhu cầu được hỗ trợ ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống rất lớn để nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng cây trồng, vật nuôi, nâng cao thu nhập và đời sống.

Vì vậy, việc ban hành và triển khai thực hiện “Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020” là rất cần thiết để tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững ở 06 huyện miền núi, góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu trong các Kết luận của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 3 khóa XIX và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2015 – 2020.

**II. MỤC TIÊU**

- Xây dựng 35 mô hình, dự án ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, có quy mô phù hợp với từng địa phương trong tỉnh, trong đó có

khoảng 40% mô hình, dự án thực hiện ở miền núi; xây dựng khoảng 20% mô hình, dự án liên kết ứng dụng khoa học và công nghệ theo chuỗi giá trị hàng hóa, tạo sinh kế cho người dân.

- Chuyên giao 35 lượt công nghệ mới, tiên tiến phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của từng địa phương, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi của tỉnh.

- Thông qua các mô hình, dự án, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng khoảng 150 kỹ thuật viên cơ sở, 14.000 lượt nông dân, góp phần nâng cao năng lực ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ ở các địa phương.

### **III. NỘI DUNG**

#### **1. Xây dựng tài liệu và thực hiện các hoạt động truyền thông phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ.**

- Xây dựng tài liệu, cơ sở dữ liệu về các tiến bộ khoa học và công nghệ, tổ chức hội nghị phổ biến các quy trình kỹ thuật, công nghệ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản... phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế, trình độ phát triển của từng vùng, địa phương.

- Xây dựng và triển khai các chuyên đề giới thiệu về hoạt động của Chương trình và thực hiện các hoạt động truyền thông phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

- Phát hành các ấn phẩm (bản giấy, điện tử) về tổng kết kinh nghiệm, những bài học từ việc ứng dụng quy trình kỹ thuật công nghệ đã chuyên giao, nhân rộng mô hình ứng dụng và các nội dung khác của Chương trình.

#### **2. Xây dựng các mô hình ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ.**

- Mô hình phát triển trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa, phù hợp với điều kiện thực tế và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Mô hình, dự án ứng dụng, chuyển giao đồng bộ tiến bộ khoa học và công nghệ (áp dụng giống mới, cơ giới hóa, hóa học hóa, thủy lợi hóa, ứng dụng công nghệ sinh học, quy trình kỹ thuật thâm canh hợp lý,...) hình thành các vùng sản xuất tập trung chuyên canh, nhất là đối với một số sản phẩm, cây trồng có thể mạnh như: Lúa, tỏi, mía, mì, lạc, quế, keo,... gắn với công nghiệp chế biến.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình ứng dụng, chuyển giao đồng bộ tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi, giết mổ tập trung, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, thân thiện với môi trường, khuyến khích ứng dụng chăn nuôi trên nền đệm lót sinh học.

- Các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phát triển nuôi trồng thủy sản gắn với chế biến, các hình thức nuôi thâm canh công nghiệp, nuôi sinh thái gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường; các mô hình phòng tránh, giảm thiểu hậu quả thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Mô hình, dự án ứng dụng công nghệ sinh học về giống mới, nhân nhanh các giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện của tỉnh; phục tráng, lưu giữ phát triển cây dược liệu bản địa; bảo tồn nguồn gen, đa dạng sinh học các loại cây trồng, vật nuôi bản địa; sản xuất các chế phẩm sinh học dùng để sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, thủy sản; sản xuất phân vi sinh; phòng trừ dịch bệnh gây hại; xử lý môi trường;...

- Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao quy trình công nghệ sản xuất tiên tiến, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, tăng hiệu quả kinh tế, an toàn với môi trường; công nghệ sản xuất theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng tiên tiến.

- Mô hình ứng dụng thiết bị, công nghệ tiên tiến, đồng bộ trong thu hoạch, bảo quản, chế biến nông sản, thực phẩm nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao giá trị sản phẩm; công nghệ, thiết bị chế biến sâu, công nghệ tạo giá trị gia tăng cao trong sản xuất nông nghiệp; công nghệ sơ chế nông, lâm, thủy sản, dược liệu và công nghệ, thiết bị xử lý nước thải, rác thải sinh hoạt tiên tiến phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Chú trọng mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị. Xây dựng mô hình ứng dụng, chuyển giao đồng bộ các tiến bộ khoa học và công nghệ, tổ chức quản lý, phát triển thị trường theo chuỗi giá trị hàng hóa có sự tham gia, liên kết giữa nhà khoa học, doanh nghiệp và người dân, trong đó doanh nghiệp là nòng cốt.

### **3. Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ phục vụ hoạt động ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ.**

- Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ quản lý dự án và cán bộ tham gia hoạt động chuyển giao công nghệ trong thực hiện Chương trình.

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ kỹ thuật cho địa phương, tập huấn, hướng dẫn quy trình kỹ thuật cho nông dân để hình thành mạng lưới cán bộ kỹ thuật và cộng tác viên, tình nguyện viên trực tiếp ở địa phương.

- Khuyến khích trí thức trẻ, cán bộ khoa học và công nghệ tình nguyện đến làm việc thường xuyên tại các huyện miền núi để hướng dẫn, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ trong quá trình thực hiện các dự án thuộc Chương trình.

## **IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Về vai trò và trách nhiệm của hệ thống chính trị ở địa phương đối với hoạt động ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ.**

- Tăng cường vai trò và trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội ở địa phương trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân ở khu vực nông thôn, miền núi về vai trò, ý nghĩa của việc ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ.

- Vận động các tổ chức, đơn vị cơ quan, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn tích cực tham gia hoạt động ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ.

- Tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu kiến thức khoa học và công nghệ, các mô hình, quy trình kỹ thuật, thiết bị, công nghệ, dự án thực hiện có hiệu quả để phổ biến, nhân rộng kết quả thực hiện Chương trình ra các địa phương.

## **2. Về hoạt động ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống.**

- Chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ đến các tổ chức, cá nhân người dân thông qua các mô hình trình diễn cụ thể (trồng trọt, chăn nuôi, chế biến,...) phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tìm kiếm, lựa chọn những tiến bộ khoa học và công nghệ có hiệu quả cao, phù hợp với điều kiện thực tế, trình độ phát triển của từng địa phương để triển khai ứng dụng, chuyển giao.

- Điều tra, khảo sát thực tế, lựa chọn đối tượng tiếp nhận công nghệ có đủ điều kiện để triển khai ứng dụng; lựa chọn địa bàn phù hợp, có điều kiện thuận lợi cho việc tham quan, học hỏi và nhân rộng ra các vùng có điều kiện tương thích.

- Lựa chọn mô hình và cách thức chuyển giao phù hợp với tính chất và loại hình công nghệ, đảm bảo hiệu quả kinh tế và sự phát triển bền vững.

- Xây dựng và phát hành các tài liệu, ấn phẩm để phổ cập kiến thức, chia sẻ thông tin khoa học và công nghệ, kết quả thực hiện mô hình để nhân rộng cho các địa phương trong tỉnh.

## **3. Về nguồn nhân lực tham gia thực hiện Chương trình.**

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức khoa học và công nghệ, các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng, các trung tâm nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, các doanh nghiệp tham gia Chương trình.

- Khuyến khích, động viên cán bộ trẻ, thanh niên tham gia hoạt động ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, tham gia các mô hình, dự án thuộc Chương trình.

- Chú trọng bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, kiến thức khoa học và công nghệ cho đội ngũ cán bộ cơ sở; tập huấn kỹ thuật cho nông dân, ưu tiên người trực tiếp tham gia thực hiện dự án là phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số.

## **4. Về kinh phí thực hiện Chương trình và cơ chế tài chính áp dụng.**

- Kinh phí thực hiện Chương trình bao gồm:

+ Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ từ ngân sách trung ương thực hiện các dự án thuộc Chương trình của Bộ Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh;

+ Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm;

+ Kinh phí đối ứng của các địa phương (kinh phí lồng ghép các chương trình, dự án và kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp huyện);

+ Kinh phí của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các dự án thuộc Chương trình.

- Cơ chế tài chính áp dụng:

+ Cơ chế tài chính của Chương trình được áp dụng theo Quy định định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định về quản lý tài chính liên quan hiện hành.

+ Hàng năm, căn cứ nhu cầu chi cho Chương trình, Sở Khoa học và Công nghệ lập dự toán và cơ cấu vào nguồn vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ trình UBND tỉnh phê duyệt, thực hiện.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Quản lý Chương trình:**

Quy chế quản lý Chương trình được áp dụng theo Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và các quy định hiện hành khác có liên quan.

### **2. Thời gian thực hiện Chương trình:**

Chương trình bắt đầu thực hiện từ năm 2016 đến hết năm 2020; trong đó có sơ kết đánh giá giữa kỳ vào năm 2018.

### **3. Tổ chức thực hiện Chương trình:**

- Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Cơ quan phối hợp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Ban Dân tộc, Hội Nông dân tỉnh Quảng Ngãi, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố./.



KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh